

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm xe ô tô.
- Tên dự toán: Mua sắm xe ô tô phục vụ công tác theo hình thức gộp chung thành 01 gói thầu.
- Chủ đầu tư: Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng.
- Nguồn vốn: Nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương và Nguồn ngân sách nhà nước năm 2025.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Hình thức hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 07 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu chung:

- Yêu cầu về chất lượng: Hàng hóa cung cấp mới 100%, sản xuất từ năm 2025 trở lại đây và có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Yêu cầu về thời gian bảo hành: Nhà thầu phải ghi rõ thời gian bảo hành hàng hóa trong E-HSDT.

b) Yêu cầu cụ thể

Nhà thầu chào hàng hoá đáp ứng tối thiểu các tiêu chuẩn kỹ thuật (tham khảo) như sau:

1. Xe ô tô chức danh (04 xe)

DANH MỤC THÔNG SỐ		TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
THÔNG TIN CHUNG		
1	Chủng loại cung cấp	Xe ô tô loại 5 chỗ ngồi
2	Tình trạng	Mới 100%
3	Năm sản xuất	2025
4	Màu xe	Đen hoặc trắng
KÍCH THƯỚC - TRỌNG LƯỢNG		
1	Kích thước tổng thể: Dài x Rộng x Cao (mm)	4920 x 1840 x 1445 ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
2	Chiều dài cơ sở (mm)	2825 ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
3	Chiều rộng cơ sở: Trước/sau (mm)	1580 /1590 ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)

4	Khoảng sáng gầm xe (mm)		140 ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
5	Bán kính quay vòng tối thiểu (m)		5.8 ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
6	Dung tích bình nhiên liệu (Lít)		50 ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
ĐỘNG CƠ - VẬN HÀNH			
1	Dung tích xy lanh (cc)		2487 ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
2	Hệ thống phun nhiên liệu		Phun xăng trực tiếp (D-4S) (hoặc tương đương)
3	Công suất tối đa ((kw)hp/rpm)		(137)184/6000 ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
4	Mô men xoắn tối đa (Nm/rpm)		221/3600-5200 ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
5	Động cơ điện	Công suất tối đa (kw)	100 ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
		Mô men xoắn tối đa (Nm)	202 ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
6	Ắc quy Hybrid loại		Lithium (hoặc tương đương)
7	Tiêu chuẩn khí thải		Euro 5 w OBD
TRUYỀN LỰC			
1	Loại dẫn động		Dẫn động cầu trước
2	Hộp số		Số tự động vô cấp E-CVT (hoặc tương đương)
3	Các chế độ lái		3 chế độ (Tiết kiệm, Thường, Thể thao)
KHUNG GÀM			
1	Hệ thống lái		Trợ lực điện
2	Vành và lốp xe (Bao gồm lốp dự phòng)	Loại vành	Hợp kim
		Kích thước lốp	235/45R18 (hoặc tương đương)
3	Phanh	Trước	Đĩa tản nhiệt (hoặc tương đương)
		Sau	Đĩa đặc (hoặc tương đương)
NGOẠI THẤT			
1	Cụm đèn trước	Đèn chiếu gần	LED dạng bóng chiếu
		Đèn chiếu xa	LED dạng bóng chiếu
		Đèn chiếu sáng ban ngày	LED
		Hệ thống điều khiển đèn tự động	Có
NỘI THẤT			

1	Tay lái	Nút bấm điều khiển tích hợp	Có
		Điều chỉnh	Chỉnh điện 4 hướng
		Lấy chuyển số	Có
2	Gương chiếu hậu trong		Chống chói tự động
3	Cụm đồng hồ	Loại đồng hồ	Digital (hoặc tương đương)
		Đèn báo hệ thống Hybrid	Có
		Màn hình hiển thị đa thông tin	TFT 12,3 inch ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
4	Ghế trước	Chất liệu bọc ghế	Da
		Điều chỉnh ghế lái	Chỉnh điện 10 hướng
		Làm mát ghế	Có
		Điều chỉnh ghế hành khách	Chỉnh điện 10 hướng
		Bộ nhớ vị trí	Ghế người lái (2 vị trí)
5	Ghế sau	Hàng ghế thứ hai	Ngả lưng chỉnh điện
		Tựa tay hàng ghế sau	Có khay đựng ly
TIỆN NGHI			
1	Cửa sổ trời		Toàn cảnh
2	Rèm che nắng kính sau		Chỉnh điện
3	Rèm che nắng cửa sau		Chỉnh tay
4	Hệ thống điều hòa		Tự động 3 vùng độc lập (hoặc tương đương)
5	Hệ thống điều hòa lọc ion âm		Có
6	Cổng kết nối USB phía sau		Có
7	Hệ thống âm thanh	Màn hình	Màn hình cảm ứng 12,3 inch ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
		Số loa	9 JBL (hoặc tương đương)
		Kết nối điện thoại thông minh	Có
8	Chìa khóa thông minh & khởi động bằng nút bấm		Có
9	Phanh tay điện tử		Có
10	Hiển thị thông tin trên kính lái		Có
11	Khóa cửa điện		Có (Tự động theo tốc độ)
12	Chức năng khóa cửa từ xa		Có
13	Cửa sổ điều chỉnh điện		Tự động lên/xuống tất cả các cửa
14	Sạc không dây		Có

AN NINH			
1	Hệ thống báo động	Có	
2	Hệ thống mã hóa khóa động cơ	Có	
AN TOÀN CHỦ ĐỘNG			
1	Hệ thống an toàn chủ động	Cảnh báo tiền va chạm	Có
		Cảnh báo lệch làn đường	Có
		Hỗ trợ giữ làn đường	Có
		Điều khiển hành trình chủ động	Có
		Đèn chiếu xa tự động	Có
2	Hệ thống cân bằng điện tử	Có	
3	Hệ thống kiểm soát lực kéo	Có	
4	Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc	Có	
5	Đèn báo phanh khẩn cấp	Có	
6	Hệ thống theo dõi áp suất lốp	Có	
7	Hệ thống hỗ trợ ra khỏi xe an toàn	Có	
8	Phanh hỗ trợ đỗ xe	Có	
9	Hệ thống cảnh báo điểm mù	Có	
10	Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau	Có	
11	Camera lùi	Camera 360	
12	Cảm biến hỗ trợ đỗ xe	8 ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)	
AN TOÀN BỊ ĐỘNG			
1	Túi khí người lái và hành khách phía trước	Có (2 túi)	
2	Túi khí bên hông phía trước	Có (2 túi)	
3	Túi khí rèm	Có (2 túi)	
4	Túi khí đầu gối người lái	Có (1 túi)	

2. Xe ô tô phục vụ công tác chung (số lượng: 54 chiếc)

TT	DANH MỤC THÔNG SỐ	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT
	THÔNG TIN CHUNG	
1	Chủng loại cung cấp	Xe 07 chỗ
2	Tình trạng	Mới 100%
3	Năm sản xuất	2025

4	Màu xe	Màu đen hoặc màu trắng hoặc bạc
I	KÍCH THƯỚC VÀ TRỌNG LƯỢNG	
1	Kích thước tổng thể (D x R x C) (mm)	4795 x 1855 x 1835 ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
2	Chiều dài cơ sở (mm)	2745 ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
3	Chiều rộng cơ sở trước (mm)	1545 ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
4	Chiều rộng cơ sở sau (mm)	1555 ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
5	Khoảng sáng gầm xe (mm)	279 ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
6	Bán kính vòng quay tối thiểu (m)	5.8 ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
7	Trọng lượng không tải (kg)	2050 ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
8	Trọng lượng toàn tải (kg)	2620 ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
9	Số người cho phép chở (kể cả người lái)	07
II	ĐỘNG CƠ	
1	Loại động cơ	Động cơ xăng, 4 xy lanh thẳng hàng (hoặc tương đương)
2	Tiêu chuẩn khí thải	Euro 5
3	Hệ thống nhiên liệu	Phun xăng điện tử
4	Dung tích công tác (cc)	2694 ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
5	Công suất tối đa (kW)	122(164)/5200 ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
6	Mô men xoắn tối đa (N.m)	245/4000 ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
7	Dung tích bình nhiên liệu (Lít)	80 ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
III	HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG, HỆ THỐNG TREO, LÁI, PHANH	
1	Hệ thống truyền động	Dẫn động 2 cầu bán thời gian, gài cầu điện tử (hoặc tương đương)
2	Hộp số	Tự động, 6 cấp
3	Hệ thống treo trước/sau	Độc lập, tay đòn kép với thanh cân bằng/ Phụ thuộc, liên kết 4 điểm (hoặc tương đương)
4	Vành và Lốp xe	
-	Loại vành	Mâm đúc (hoặc tương đương)
-	Kích thước lốp	265/60R18 ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
-	Lốp dự phòng	Mâm đúc
5	Phanh trước/sau	Đĩa/Đĩa
6	Hệ thống lái có trợ lực	Thủy lực biến thiên theo tốc độ (hoặc tương đương)
IV	NGOẠI THẤT	
1	Cụm đèn trước	
-	Đèn chiếu gần	LED
-	Đèn chiếu xa	LED
-	Đèn chiếu sáng ban ngày	Có

-	Hệ thống điều khiển đèn tự động	Có
-	Hệ thống cân bằng góc chiếu	Tự động
-	Chế độ đèn chờ dẫn đường	Có
2	Cụm đèn sau	LED
3	Đèn sương mù trước	LED
4	Đèn sương mù sau	Có
5	Đèn báo phanh trên cao (Đèn phanh thứ ba)	LED
6	Gương chiếu hậu ngoài	
-	Chức năng điều chỉnh điện	Có
-	Chức năng gập điện	Có
-	Tích hợp đèn báo rẽ	Có
7	Gạt mưa trước/sau	Có
8	Chức năng sấy kính sau	Có
V	NỘI THẤT	
1	Tay lái 3 châu, bọc da, ốp gỗ, mạ bạc	Có
-	Nút bấm điều khiển tích hợp	Điều chỉnh âm thanh, màn hình hiển thị đa thông tin, đàm thoại rảnh tay
-	Điều chỉnh	Chỉnh tay 4 hướng
-	Lẫy chuyển số	Có
2	Gương chiếu hậu trong	Có chống chói tự động
3	Ghế	
-	Chất liệu bọc ghế	Da
-	Điều chỉnh ghế lái	Chỉnh điện 8 hướng
-	Điều chỉnh ghế hành khách phía trước	Chỉnh điện 8 hướng
-	Hàng ghế thứ hai	Gập lưng ghế 60:40 một chạm, chỉnh cơ 4 hướng
-	Hàng ghế thứ ba	Ngả lưng ghế, gập 50:50 sang 2 bên
-	Tựa tay hàng ghế sau	Có
4	Hệ thống điều hòa	Tự động, 2 vùng
5	Hệ thống âm thanh	
-	Màn hình	Màn hình cảm ứng 9 inch ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
-	Số loa	11 ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
6	Chìa khóa thông minh	Có
7	Khóa cửa điện	Có
8	Chức năng khóa cửa từ xa	Có
9	Cửa sổ điều chỉnh điện 1 chạm, chống kẹt tất cả các cửa	Có
10	Cốp điều khiển điện	Có
11	Hệ thống điều khiển hành trình	Có
VI	TRANG BỊ AN TOÀN	

1	Hệ thống chống bó cứng phanh	Có
2	Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp	Có
3	Hệ thống phân phối lực phanh điện tử	Có
4	Hệ thống cân bằng điện tử	Có
5	Hệ thống kiểm soát lực kéo	Có
6	Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc	Có
7	Hệ thống hỗ trợ đổ đèo	Có
8	Camera 360	Có
9	Cảm biến hỗ trợ đỗ xe tại các góc trước và sau	Có
10	Đèn báo phanh khẩn cấp	Có
11	Cảnh báo điểm mù + Cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau	Có
12	Túi khí	
-	Túi khí người lái & hành khách phía trước	Có
-	Túi khí bên hông phía trước	Có
-	Túi khí rèm	Có
-	Túi khí đầu gối người lái	Có
13	Dây đai an toàn	3 điểm ELR, 7 vị trí ($\pm 3\%$ hoặc tương đương)
14	Khóa cửa an toàn trẻ em	Có

- Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật dưới đây để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu và không nhằm mục đích chỉ định cho bất kỳ loại hàng hoá nào về nhãn hiệu, hãng sản xuất và xuất xứ hàng hoá hay hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu hàng hóa có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt hơn” so với các yêu cầu kỹ thuật và có sự khác biệt không quá 3% so với yêu cầu tối thiểu trên (Tương đương được hiểu là tương đương về mặt kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ). Nhà thầu có thể chào hàng hóa được nêu trên hoặc loại hàng hóa khác nhưng phải chứng minh sự tương đương hoặc ưu việt so với hàng hóa được nêu trên. Để chứng minh sự tương đương nhà thầu phải có bảng so sánh chi tiết về thông số kỹ thuật, đặc tính sử dụng cùng các tài liệu kỹ thuật kèm theo để chứng minh. Nếu nhà thầu không có tài liệu chứng minh sự tương đương hoặc ưu việt hơn thì được xem là không đạt về mặt kỹ thuật.

1.3. Các yêu cầu khác

Nhà thầu phải đáp ứng các yêu cầu:

- Nhà thầu phải cung cấp Catalog hoặc tài liệu kỹ thuật của hàng hóa chào thầu.
- Nhà thầu phải cung cấp chế độ bảo hành, bảo dưỡng của hàng hóa chào thầu.

- Nhà thầu có cam kết về hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng về địa lý, môi trường và không tác động nhiều đến môi trường (nếu có tác động đề xuất biện pháp giải quyết hợp lý).

Mục 2. Bản vẽ: Không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Chủ đầu tư và nhà thầu thực hiện kiểm tra tình trạng toàn bộ hàng hóa trước khi bàn giao và nghiệm thu.

- Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa nhà thầu cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của E-HSMT được phê duyệt.

- Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: Chủ đầu tư sẽ thông báo cụ thể cho Nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng

- Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp. Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do bên nhà thầu chịu trách nhiệm.